

b) Các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã có người mua vé tháng phải thanh toán số tiền chi về mua vé tháng với đơn vị quản lý bến phà, cầu phao theo số lượng vé thực tế mua trong tháng và giá vé tháng như quy định ở điểm 3a của thông tư này.

— Cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, xã viên hợp tác xã mua vé tháng phải nộp cho cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã tiền mua vé tháng theo đúng quyết định số 159-HĐBT ngày 14-9-1982 của Hội đồng Bộ trưởng (đối với cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước nộp 2đ/1 tháng hoặc 6đ/1 quý; xã viên hợp tác xã nộp 4đ/1 tháng hoặc 12đ/1 quý).

— Khoản chênh lệch phát sinh giữa số tiền vé tháng trả cho đơn vị quản lý bến phà, cầu phao và số tiền thu được của người mua vé tháng được hạch toán vào khoản mục quản lý phí trong giá thành hoặc phí lưu thông (đối với đơn vị hạch toán kinh tế), hoặc chỉ trong dự toán được duyệt (đối với cơ quan hành chính sự nghiệp).

— Riêng đối với các hợp tác xã nông nghiệp ở hai bên đầu bến phà, cầu phao, có đối tượng mua vé tháng cước qua phà, cầu phao như quy định ở điểm 1 của thông tư này, nếu có khó khăn về mặt tài chính, được xét giảm mức thu vé tháng qua phà, cầu phao, nhưng tối đa không được giảm quá 50% giá vé quy định. Trong trường hợp này, hợp tác xã phải có văn bản đề nghị, có xác nhận của Ủy ban nhân dân từ cấp phường (xã) trở lên, gửi tới cơ quan cấp trên của đơn vị quản lý bến phà, cầu phao xét và giải quyết.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-9-1984. Các quy định trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 1984

K.T. Bộ trưởng Bộ
 Giao thông vận tải
 Thứ trưởng
 LÊ KHÁ

K.T. Bộ trưởng
 Bộ Tài chính
 Thứ trưởng
 HỒ TẾ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 26-TC/NSDP ngày 29-6-1984 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 138-HĐBT ngày 19-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách đối với cấp huyện.

Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành nghị quyết số 138-HĐBT ngày 19-11-1983 về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương; trong đó phần V của nghị quyết Hội đồng Bộ trưởng đã nêu lên những quy định về việc cải tiến xây dựng và quản lý ngân sách huyện nhằm làm cho huyện (và đơn vị hành chính tương đương) thật sự trở thành một cấp quản lý ngân sách.

Bộ Tài chính hướng dẫn những điểm cụ thể về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách đối với cấp huyện và đơn vị hành chính tương đương (dưới đây gọi tắt là huyện).

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CỦA NGÂN SÁCH HUYỆN

Ngân sách huyện là kế hoạch tài chính cơ bản của huyện để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở huyện.

Ngân sách huyện là một bộ phận cấu thành của ngân sách tỉnh. Ngân sách huyện bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách các xã trong huyện. Ngân sách xã là bộ phận cấu thành của ngân sách huyện. Toàn bộ ngân sách địa phương (cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) là một bộ phận cấu thành của Ngân sách Nhà nước.

Vì vậy, yêu cầu cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách đối với cấp huyện cũng như cấp tỉnh theo nghị quyết số 138-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng lần này, phải nhằm:

a) Bảo đảm sự quản lý thống nhất của trung ương về các chính sách, chế độ thu chi tài chính và tập trung phần lớn nguồn thu cho ngân sách trung ương để đáp ứng những nhu cầu chi quan trọng của cả nước.

b) Đề cao trách nhiệm của chính quyền cấp huyện trong việc tham gia quản lý tài chính Nhà nước, đồng thời tạo điều kiện hợp lý cho huyện chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thu chi ngân sách huyện nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa và cải thiện đời sống của nhân dân trong huyện.

II. NỘI DUNG THU CHI NGÂN SÁCH HUYỆN

Ngân sách huyện do Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu (dưới đây gọi tắt là tỉnh) bố trí trong phạm vi ngân sách của tỉnh theo các quy định thống nhất sau đây:

A. Nhiệm vụ chi của ngân sách huyện phải phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế và đáp ứng được yêu cầu phân cấp về quản lý kinh tế, văn hóa cho huyện.

Nội dung các khoản chi của ngân sách huyện bao gồm:

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản nhằm để xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa của huyện.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của huyện gồm có:

a) Nguồn vốn tập trung do tỉnh phân phối chuyển về bằng nguồn vốn ngân sách trung ương đầu tư xây dựng các công trình theo mục tiêu ghi trong kế hoạch Nhà nước thông báo cho tỉnh và nguồn vốn tự có của ngân sách tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh phân phối cho huyện theo chỉ tiêu kế hoạch xây dựng cơ bản của tỉnh quyết định cho huyện.

b) Nguồn vốn tự có của ngân sách huyện do huyện huy động được như do tăng thu,

tiết kiệm chi trong năm mà có, do huy động kết dư ngân sách huyện năm trước, thu về xổ số kiến thiết được tỉnh dành cho huyện, tiền đóng góp bằng quỹ phúc lợi của các xí nghiệp quốc doanh trung ương hoặc tỉnh đóng trên địa bàn huyện, vốn do nhân dân tự nguyện đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật và lao động theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn do xí nghiệp huyện vay Ngân hàng Nhà nước để trang bị thiết bị (nếu có).

Những năm trước đây, nhiều huyện chưa được tỉnh giao nhiệm vụ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nay Ủy ban nhân dân tỉnh nên giao cho huyện quản lý xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa của huyện có quy mô vừa và nhỏ, kỹ thuật không phức tạp. Việc quản lý cấp phát thanh toán và quyết toán vốn đầu tư cơ bản của Huyện phải tuân theo các nguyên tắc, thể lệ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước ban hành.

2. Vốn lưu động cấp cho các xí nghiệp quốc doanh huyện.

Ngân sách huyện bảo đảm đủ vốn lưu động định mức cho các xí nghiệp quốc doanh huyện trực tiếp quản lý theo chế độ hiện hành.

Đối với xí nghiệp tỉnh mới bàn giao cho huyện, khi bàn giao cần phải kiểm kê đánh giá tình hình tài sản, vốn liếng, công nợ, và phải xác định ngay định mức vốn lưu động cho xí nghiệp. Ngân sách tỉnh cấp phát đủ vốn trước khi bàn giao, tạo điều kiện thuận lợi cho huyện quản lý. Quá trình hoạt động nếu huyện xét nhu cầu cần mở rộng thì ngân sách huyện bảo đảm cấp bổ sung vốn.

Nếu xí nghiệp quốc doanh của huyện sản xuất kinh doanh bị lỗ thì Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra xem xét kỹ về ngân sách huyện cấp bù lỗ.

www.LawSoh.com
Tel: +848-3845 6684
0966488383

3. Chi về sự nghiệp kinh tế.

Ngân sách huyện bảo đảm kinh phí hoạt động sự nghiệp của các tổ chức kinh tế huyện bao gồm chi lương, phụ cấp lương, phúc lợi tập thể cho cán bộ, công nhân viên làm công tác sự nghiệp; chi về mua sắm vật tư, thiết bị, chi phí nghiệp vụ của các trạm trại nông nghiệp huyện chưa thực hiện hạch toán kinh tế độc lập (trại nhân giống cây, con, trạm bảo vệ thực vật, thú y...); sự nghiệp quản lý bảo vệ rừng theo thông tư số 1-TT/LB ngày 18-1-1984 của liên Bộ Tài chính — Lâm nghiệp — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (nếu được tỉnh phân cấp cho huyện); sự nghiệp thủy lợi, bảo vệ đê điều; sự nghiệp giao thông duy tu bảo dưỡng đường sá, sửa chữa cầu phà; sửa chữa nhà cửa, duy trì các công trình phúc lợi, vệ sinh công cộng của huyện quản lý...

4. Chi về sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội.

Kinh phí chi về sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội bao gồm tiền lương, phụ cấp lương, phúc lợi tập thể cho cán bộ, công nhân viên, chi về mua sắm, sửa chữa trường học, bệnh viện, công trình văn hóa, và hoạt động nghiệp vụ của các ngành giáo dục phổ thông, bồi túc văn hóa, đào tạo cán bộ sơ cấp và công nhân kỹ thuật; y tế, vệ sinh phòng dịch, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, sinh đẻ có kế hoạch, nuôi dạy trẻ, thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, thông tin truyền thanh của huyện đã được tỉnh phân cấp giao cho huyện quản lý. Ngân sách huyện còn bảo đảm chi chăm lo thăm hỏi hoặc cứu trợ những gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với cách mạng, cứu trợ nhân dân bị tai nạn (trường hợp thiên tai, địch họa lớn thì ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương hỗ trợ một phần).

Để mở rộng công tác giáo dục, văn hóa, xã hội, Ủy ban nhân dân huyện vận dụng đúng đắn phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm trong việc xây dựng, sửa

chữa và trang bị dụng cụ cho các trường học, bệnh viện, công trình văn hóa, thể dục thể thao của huyện.

5. Chi về quản lý hành chính.

Trừ các ngành huyện đội, công an, viện kiểm sát, thống kê, thuế công thương nghiệp, văn phòng huyện ủy, bưu điện, ngân hàng, lương thực (ngành dọc) do Ngân sách trung ương đảm nhiệm cấp phát quản lý theo hệ thống dọc, còn lại các tổ chức khác thuộc bộ máy quản lý Nhà nước của huyện và các đoàn thể huyện đều thuộc ngân sách huyện bảo đảm chi, bao gồm tiền lương, phụ cấp lương, phúc lợi tập thể và mọi chi tiêu hoạt động theo đúng chính sách, chế độ và tiêu chuẩn của Nhà nước quy định.

6. Các khoản chi khác.

Ngoài các nguồn vốn và kinh phí về các khoản chi nêu trên, ngân sách huyện còn bảo đảm các khoản chi về huấn luyện dân quân du kích và tuyến quân, nuôi dưỡng lực lượng dân quân thường trực bảo vệ biên giới, và các khoản chi khác theo chế độ quy định của Nhà nước.

7. Chi chuyển trả ngân sách xã về các khoản điều tiết thuế và trợ cấp ngân sách xã.

Trong khi chưa thống nhất quản lý và hạch toán ngân sách xã theo chế độ quản lý ngân sách Nhà nước, các khoản thuế nông nghiệp, thuế muối, thuế sát sinh và thuế công thương nghiệp khác do xã trực tiếp thu đều phải nộp cả 100% vào Ngân sách Nhà nước rồi mới điều tiết cho xã thì phần thu điều tiết cho ngân sách xã phải kế hoạch hóa và ghi vào ngân sách huyện. Sau đó ngân sách huyện chi chuyển trả ngân sách xã theo tỷ lệ điều tiết mà huyện đã quy định cho từng xã.

Khoản thu về giao nộp nông sản (5%) thu cho ngân sách xã cũng được kế hoạch hóa trong ngân sách huyện và ngân sách huyện chi chuyển trả cho ngân sách xã.

Đối với những xã thực sự có khó khăn, thu ngân sách xã chưa thể bảo đảm chi thì ngân sách huyện trợ cấp cho những năm đầu nhằm hỗ trợ để xã vươn lên phấn đấu nhanh chóng tự cân đối được ngân sách xã.

8. Chi bù giá hàng bán cung cấp cho công nhân viên chức và người ăn theo thuộc huyện quản lý.

Tùy theo tình hình phân cấp quản lý kinh tế cho huyện và trình độ quản lý tài chính của huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể phân cấp cho ngân sách huyện đảm nhiệm khoản chi về bù giá hàng hóa cung cấp cho công nhân viên chức và người ăn theo thuộc cơ quan, xí nghiệp của huyện quản lý. Khoản chi này phải tính toán theo đúng các đối tượng, định lượng và đơn giá bù theo chế độ Nhà nước quy định.

9. Ngoài ra, ngân sách huyện còn được bố trí một khoản dự bị phí bằng từ 3% đến 5% tổng số chi thường xuyên của ngân sách huyện để ứng phó với những nhu cầu đột xuất mà dự toán ngân sách huyện hàng năm chưa lường được.

B. Nguồn thu và tỷ lệ điều tiết thu cho ngân sách huyện.

Phân bổ nguồn thu cho ngân sách huyện phải chú trọng trước hết đến những khoản thu đòi hỏi tính năng động và cố gắng chủ động của huyện nhằm phát triển kinh tế của huyện, ra sức khai thác tạo ra nguồn thu cho ngân sách ngày càng nhiều hơn, đồng thời bảo đảm nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, hạn chế đến mức thấp nhất biện pháp trợ cấp để cân đối ngân sách huyện.

Nguồn thu và tỷ lệ điều tiết thu cho ngân sách huyện được quy định như sau:

2. Các khoản thu để lại 100% cho ngân sách huyện gồm:

a) Thu về khấu hao cơ bản, hoàn vốn lưu động và tiền bán tài sản thải loại của xí nghiệp thuộc huyện trực tiếp quản lý.

b) Thu về sự nghiệp của huyện.

c) Thu về nuôi trồng rừng và bảo vệ rừng (nếu tỉnh phân cấp cho huyện).

d) Thu về quỹ phúc lợi của các xí nghiệp quốc doanh trung ương đóng trên địa bàn huyện (phần dành cho huyện).

e) Thu về giao nộp nông sản 10% trên giá trị nông sản giao nộp cho tỉnh và trung ương theo giá chỉ đạo thu mua của Nhà nước, trong đó có 5% cho ngân sách huyện và 5% để chuyển trả cho ngân sách xã theo quy định của Nhà nước.

g) Thu về xổ số kiến thiết (phần dành cho huyện).

h) Các khoản thu khác như lệ phí, tiền phạt ở huyện được Nhà nước cho phép thu, tiền và hiện vật (quy thành tiền) của nhân dân đóng góp để xây dựng và sửa chữa các công trình thủy lợi, giao thông, trường học, bệnh viện và sự nghiệp phúc lợi khác.

2. Các khoản thu của ngân sách Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ điều tiết thống nhất chung cho tất cả các huyện trong tỉnh:

a) Thu quốc doanh và lợi nhuận (kể cả chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu địa phương nếu có) của các xí nghiệp quốc doanh huyện quản lý, bao gồm cả xí nghiệp quốc doanh do ngân sách huyện bỏ vốn hoặc vay vốn ngân hàng xây dựng.

b) Thu quốc doanh và lợi nhuận của các xí nghiệp quốc doanh thuộc tỉnh quản lý nằm trên địa bàn huyện, bao gồm cả thu chênh lệch giá (nếu có).

c) Thuế nông nghiệp (kể cả 10% điều tiết cho ngân sách xã).

d) Thuế công thương nghiệp (kể cả phần điều tiết cho ngân sách xã, nếu có).

Tỷ lệ điều tiết chung cho ngân sách các huyện không được vượt quá tỷ lệ điều tiết chung trung ương quy định cho ngân sách tỉnh.

3. Các khoản thu điều tiết bổ sung.

Đối với những huyện mà nguồn thu theo tỷ lệ điều tiết chung chưa đáp ứng

cân đối nhu cầu chi theo chính sách, chế độ. Nhà nước quy định thì Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bổ sung tỷ lệ điều tiết và các khoản thu cho ngân sách huyện theo thứ tự sau đây:

- a) Thuế nông nghiệp.
- b) Thuế công thương nghiệp.
- c) Thu quốc doanh và lợi nhuận xí nghiệp quốc doanh do huyện quản lý.
- d) Thu quốc doanh và lợi nhuận xí nghiệp quốc doanh do tỉnh quản lý.

4. Tỷ lệ điều tiết các khoản thu dành cho ngân sách huyện (kể cả tỷ lệ điều tiết chung và tỷ lệ điều tiết bổ sung nếu có) không được vượt quá tỷ lệ điều tiết mà trung ương đã quy định thông báo cho ngân sách tỉnh (thành phố và đặc khu) và được giữ ổn định từ nay cho đến hết năm 1985.

5. Trợ cấp của ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện.

Sau khi đã xác định nguồn thu và mức tỷ lệ điều tiết tối đa (bằng mức trung ương dành cho ngân sách tỉnh) mà số thu của ngân sách huyện vẫn chưa đủ đáp ứng cân đối nhu cầu chi thì ngân sách tỉnh xét trợ cấp cho ngân sách huyện một khoản đủ bù vào số thiếu hụt đó. Khoản trợ cấp này mỗi năm xét một lần và thông báo cho huyện ngay từ đầu năm.

III. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH GIAO CHO HUYỆN

Căn cứ vào nghị quyết số 138-HĐBT về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách và nghị định số 158-HĐBT ngày 17-12-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước năm 1984, sau khi xác định rõ nhiệm vụ chi, nguồn thu và tỷ lệ điều tiết thu (tỷ lệ thống nhất chung và tỷ lệ bổ sung) cho ngân sách từng huyện trong tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiệm vụ giao các chỉ tiêu về kế hoạch ngân sách hàng năm dưới đây cho chính quyền huyện.

1. Tổng số thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện, trong đó ghi rõ nhiệm vụ thu về thu quốc doanh, lợi nhuận của xí nghiệp quốc doanh, thuế nông nghiệp và thuế công thương nghiệp.

2. Tỷ lệ điều tiết bổ sung cho ngân sách huyện (nếu có).

3. Trợ cấp của ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện (nếu có).

4. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung được tỉnh phân phối cho huyện theo mục tiêu.

Đi đôi với việc giao chỉ tiêu pháp lệnh trên, Sở Tài chính có thể giao các chỉ tiêu kế hoạch ngân sách hướng dẫn nhằm giúp cho chính quyền huyện bố trí ngân sách huyện được thống nhất ăn khớp với ngân sách tỉnh, phân phối đủ nhu cầu vốn và kinh phí cho những công việc cần thiết sát hợp với phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước tại địa phương.

IV. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHÍNH QUYỀN CÁC HUYỆN TRONG VIỆC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH HUYỆN

Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước do chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho chính quyền huyện và chỉ tiêu hướng dẫn của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện lập dự toán ngân sách chính thức của huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn, sau đó thông báo giao nhiệm vụ thu, chi cho các đơn vị, xí nghiệp cơ sở của huyện, giao nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp và thu chi ngân sách xã cho chính quyền các xã thực hiện, đồng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính để theo dõi quản lý.

Kế hoạch ngân sách của huyện xây dựng phải thể hiện bảo đảm tối thiểu tổng mức thu ngân sách Nhà nước và các khoản thu chủ yếu trên địa bàn huyện như chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho huyện. Nếu Ủy ban nhân dân huyện khai thác

016689

www.ThuVienPhapLuat.com Tel: +84-8-3845 6684

thêm được nguồn thu, xây dựng kế hoạch thu ngân sách Nhà nước cũng như kế hoạch thu cho ngân sách huyện (tính theo tỷ lệ điều tiết dành cho ngân sách huyện) cao hơn mức của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho huyện thì Ủy ban nhân dân huyện có quyền bố trí chi ngân sách huyện cao hơn với nguyên tắc là không vượt quá khả năng thu của ngân sách huyện và trước hết bố trí tăng vốn đầu tư xây dựng cơ bản tự có của huyện, tăng cấp vốn lưu động thiếu cho xí nghiệp huyện (nếu có nhu cầu) hoặc cho nhu cầu phát triển sự nghiệp kinh tế, giáo dục, văn hóa, y tế của huyện.

Trong khi điều hành ngân sách, huyện cố gắng tiết kiệm chi tiêu về hành chính để điều hòa chi tiêu cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa và bảo đảm cho nhu cầu xây dựng cơ bản.

Quá trình chấp hành ngân sách, nếu huyện hoàn thành vượt mức kế hoạch thu thì ngoài phần vượt của ngân sách huyện được hưởng theo tỷ lệ điều tiết do tỉnh dành cho huyện, ngân sách huyện còn được tính xét trích trong số tiền thưởng của ngân sách trung ương quyết định thưởng cho ngân sách tỉnh và phần thu vượt của ngân sách tỉnh để thưởng cho ngân sách huyện (tỷ lệ thưởng do tỉnh quy định).

Nếu không hoàn thành kế hoạch thu của ngân sách huyện thì huyện phải chủ động sắp xếp lại các khoản chi để tự cân đối ngân sách; chỉ sau khi sắp xếp lại mà vẫn không bảo đảm tự cân đối được, hoặc vì nguyên nhân khách quan do thiên tai lớn xảy ra, do địch họa thì tỉnh xét và được ngân sách tỉnh hỗ trợ bằng hình thức cho vay hoặc trợ cấp thêm.

Nếu do tăng thu, tiết kiệm chi mà cuối năm ngân sách huyện có kết dư thì huyện được sử dụng số kết dư đó vào hai mục tiêu:

— Dành một nửa (50%) để lập quỹ dự trữ tài chính của huyện.

— Còn lại được ghi thu vào năm sau để làm vốn xây dựng cơ bản tự có của huyện nhằm mở mang công trình kinh tế, phúc lợi văn hóa của huyện.

Quỹ dự trữ tài chính của huyện được gửi vào một tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và được bổ sung hàng năm bằng vốn kết dư ngân sách huyện, phần đầu đạt mức bằng 2 đến 3 tháng chi thường xuyên của ngân sách huyện. Quỹ dự trữ tài chính của huyện được dùng để ứng phó khi nguồn thu ngân sách chưa tập trung kịp, nên chỉ được phép tạm vay và phải hoàn trả vào cuối năm ngân sách.

Đối với ngân sách xã, Bộ Tài chính sẽ có thông tư hướng dẫn riêng.

V. ĐỀ CAO KỶ LUẬT TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách lần này có tầm quan trọng đổi mới cơ chế quản lý, khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, gò bó, bao cấp, nhằm tạo điều kiện cho chính quyền các cấp tỉnh, huyện, xã chủ động khai thác tiềm năng phát triển kinh tế địa phương, đẩy mạnh sản xuất, tích cực tăng thu để đáp ứng nhu cầu chi của địa phương, đưa dần công tác quản lý ngân sách vào thể ổn định và có nền nếp. Do đó cần phải đề cao kỷ luật tài chính, tăng cường trách nhiệm quản lý của chính quyền cấp huyện, tăng cường kiểm tra kiểm soát của chính quyền cấp tỉnh, bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh mọi chính sách, chế độ, thể lệ tài chính của Nhà nước quy định.

Nội dung quan trọng nhất của kỷ luật tài chính Nhà nước đã được nêu trong nghị quyết số 138—HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tài chính hướng dẫn rõ như sau:

1. Mọi khoản thu, chi tài chính từ xã đến huyện, tỉnh, trung ương đều phải chấp hành đúng các chính sách, chế độ do trung ương thống nhất quy định. Nếu địa phương thấy có chỗ nào không hợp lý

www.ThuVienPhapLuat.com Tel: +84-8-3845 6684

phải nghiên cứu đề xuất thi phản ánh đề Bộ Tài chính nghiên cứu bổ sung sửa đổi. Các cấp chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không được tùy tiện tự đặt ra các chính sách, chế độ thu, chi trái với quy định của trung ương và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Mọi khoản thu ngân sách thuộc ngân sách cấp nào phải thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách cấp đó theo đúng tỷ lệ điều tiết từng khoản thu mà trung ương đã quy định cho ngân sách tỉnh và tỉnh quy định cho ngân sách huyện. Mọi khoản chi ngân sách thuộc nguồn vốn nào phải sử dụng đúng vào mục đích chi của khoản đó. Chính quyền các cấp không được tự tiện ra lệnh thu các khoản thu của ngân sách cấp trên hoặc ra lệnh trích quỹ ngân sách cấp trên để chi cho ngân sách cấp mình vì ngân sách của cấp nào thuộc quyền hạn của chủ tài khoản ngân sách cấp đó. Người ra lệnh sai và người thi hành lệnh sai đều là vi phạm kỷ luật tài chính Nhà nước.

3. Mọi khoản thu, chi ngân sách đều phải hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời vào ngân sách Nhà nước và phải phản ánh, báo cáo trung thực cho chính quyền cấp mình và cơ quan tài chính cấp trên. Tuyệt đối nghiêm cấm các đơn vị, cơ quan, các cấp chính quyền tự động lập và duy trì các quỹ trái phép. Mọi khoản thu đề ngoài ngân sách, dù ký gửi tại Ngân hàng Nhà nước đều coi là quỹ ngoài ngân sách, quỹ trái phép.

4. Phải tăng cường công tác kiểm tra và thanh tra tài chính của chính quyền các cấp. Mọi hành động làm trái với các điều quy định trên đều coi là vi phạm kỷ luật tài chính Nhà nước và phải xử lý nghiêm minh.

Cơ quan tài chính và Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh, huyện có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về nội dung kỷ luật tài chính nêu trên, đồng thời kiểm tra phát hiện những cơ quan, đơn vị lập quỹ ngoài ngân sách, quỹ trái phép,

chấp hành không đúng những chế độ tiêu chuẩn của Nhà nước quy định.

VI. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng và cải tiến phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương bắt đầu thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1984.

Để thực hiện đúng chủ trương của Hội đồng Bộ trưởng, đề nghị chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương:

1. Căn cứ vào kế hoạch ngân sách năm 1984 của tỉnh, tình hình và các chủ trương quyết định phân cấp kinh tế của tỉnh cho chính quyền huyện, vận dụng thông tư hướng dẫn này ra quyết định xác định rõ nhiệm vụ các khoản chi giao cho huyện trên cơ sở đó xác định các khoản thu và tỷ lệ điều tiết thống nhất chung về các khoản thu dành cho ngân sách huyện. Đối với những huyện mà các khoản thu theo chế độ chung không đủ đáp ứng nhu cầu chi thì tỉnh quyết định tỷ lệ điều tiết bổ sung (có thể đến hết mức tỷ lệ điều tiết trung ương dành cho ngân sách tỉnh) và mức trợ cấp (nếu có), tổ chức thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân các huyện, cơ quan tài chính và Ngân hàng Nhà nước các cấp tỉnh, huyện thi hành.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện tính toán lập lại kế hoạch thu chi ngân sách năm 1984 theo đúng chủ trương và chính sách phân cấp quản lý ngân sách mới như nghị quyết số 138-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, thông tư hướng dẫn này của Bộ Tài chính và nghị quyết của tỉnh về phân cấp cho ngân sách huyện. Những điều hướng dẫn trong thông tư số 8-TC/QLNS ngày 31-5-1979 của Bộ Tài chính về phân cấp quản lý ngân sách đối với cấp huyện trái với quy định trong thông tư này đều bãi bỏ.

3. Chỉ đạo Sở Tài chính tổng hợp, kế hoạch ngân sách các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cùng với kế hoạch

thu, chi ngân sách cấp tỉnh, lập thành kế hoạch thu chi ngân sách của tỉnh, thành phố và đặc khu (chia rõ 3 cấp tỉnh, huyện, xã) theo đúng mẫu biểu hướng dẫn trong thông tư số 44-TC ngày 20-12-1983 của Bộ Tài chính về lập ngân sách Nhà nước năm 1984 theo chế độ phân cấp mới, gửi cho Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 31-7-1984.

4. Thực hiện điều chỉnh các khoản thu ngân sách của các tháng đầu năm 1984 giữa các cấp Ngân sách trung ương, tỉnh, huyện theo đúng công văn hướng dẫn số 8-TC/NSDP ngày 24-2-1984 của Bộ Tài chính.

Quá trình thực hiện có điểm nào còn vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính biết để nghiên cứu giải quyết.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 1984

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

LÝ TÀI LUẬN

BỘ Y TẾ

QUYẾT ĐỊNH số 451-BYT/QĐ ngày 21-6-1984 thành lập Ban chỉ đạo y tế các ngành của Bộ Y tế.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ nghị định số 153-CP ngày 5-10-1961 của Hội đồng Chính phủ về việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;

Đề thi hành điểm 6, mục III trong nghị quyết số 55-HĐBT ngày 2-4-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác y tế trong thời gian trước mắt;

Qua kiểm tra y tế xi nghiệp ở một số ngành và xét nhu cầu cần thiết trong công tác chỉ đạo y tế phục vụ sức khỏe công nhân trong khi chuẩn bị tổng kết đề trình Hội đồng Bộ trưởng bổ sung, sửa đổi quyết định số 91-TTg ngày 25-4-1974 của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Thành lập Ban chỉ đạo y tế các ngành của Bộ Y tế để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Làm thường trực: tiếp nhận các báo cáo của các đơn vị y tế công, nông, lâm trường, xí nghiệp, cơ quan, trường học để kịp thời đề xuất với Bộ trưởng biện pháp giải quyết hoặc phân công cho các vụ, cục, ban giải quyết các công việc phục vụ sức khỏe cán bộ, công nhân viên, học sinh ở các ngành.

2. Theo dõi nắm tình hình hoạt động của y tế các ngành, trước mắt tập trung vào một số ngành trọng điểm, tập trung đông công nhân.

3. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra sự hoạt động của các cơ sở y tế các ngành thực hiện các chủ trương, chỉ thị về công tác y tế bảo vệ sức khỏe cán bộ, công nhân, học sinh trong các cơ sở đó.

4. Nghiên cứu và chuẩn bị tờ chức tổng kết quyết định số 91-TTg ngày 25-4-1974 và các phần có liên quan đến y tế các ngành trong nghị quyết số 15-CP ngày 14-1-1975.

Điều 2. — Chỉ định các đồng chí có tên dưới đây trong Ban chỉ đạo y tế các ngành:

1. Bác sĩ Phạm Song, Thứ trưởng Bộ Y tế, trưởng ban.

2. Dược sĩ Vũ Đức Minh, Phó vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, ủy viên thường trực.

3. Bác sĩ Nguyễn Kim Dương, Phó vụ trưởng Vụ Phòng bệnh chữa bệnh, ủy viên.

4. Bác sĩ Lê Đình Công, Phó vụ trưởng Vụ Vệ sinh phòng dịch, ủy viên.